

PHILIPPINES

Thông tin thị trường



Trung tâm Hỗ trợ hội nhập quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh
Tháng 11/2019

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	3
I. KHÁI QUÁT VỀ PHILIPPINES	4
1. Thông tin chung.....	4
2. Kinh tế	5
3. Thương mại hàng hóa.....	6
II. TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - PHILIPPINES.....	7
1. Tình hình thương mại Việt Nam - Philippines.....	7
2. Cơ hội thị trường cho Việt Nam.....	8
III. TẬN DỤNG ƯU ĐÃI TỪ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO.....	9
1) Ưu đãi thuế quan trong ATIGA	9
2) Quy tắc xuất xứ trong ATIGA	10
3) Ưu đãi từng mặt hàng trong ATIGA.....	11
4) Tận dụng ưu đãi thuế quan trong ATIGA.....	12
IV. MỘT SỐ LƯU Ý CHO DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU.....	13
1. Thị hiếu và hành vi tiêu dùng.....	13
2. Văn hóa kinh doanh.....	14
3. Các rào cản thương mại.....	14
a) Hạn ngạch	14
b) Bảo hộ đối với sản phẩm gạo.....	15
c) Các yêu cầu nhập khẩu đối với một số loại hàng hóa.....	15
d) Tự vệ thương mại.....	16
4. Các địa chỉ hữu ích hỗ trợ nhà Xuất khẩu.....	17
Tài liệu tham khảo:.....	18

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản của Philippines giai đoạn 2014 - 2018.....	5
Bảng 2: Tình hình thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Philippines giai đoạn năm 2009 - 2018	7
Bảng 3: Các mặt hàng giao thương chính Việt Nam – Philippines năm 2017-2018.....	7
Bảng 4: Biểu thuế đối với các sản phẩm gạo.....	11
Bảng 5: Một số hàng hóa có chênh lệch lớn giữa thuế ATIGA và thuế MFN...	12
Bảng 6: Giỏ hàng tiêu dùng của một hộ gia đình 5 người ở Philippines	13

LỜI MỞ ĐẦU

Philippines hiện là nền kinh tế lớn thứ 5 trong ASEAN, lớn thứ 38 trên thế giới và có tốc độ tăng trưởng cao, bình quân trên 6%/năm trong giai đoạn 2014-2018. Philippines còn là thị trường tiêu dùng tiềm năng, với dân số đông, cấu trúc dân số trẻ, và có nhu cầu cao về hàng nhập khẩu.

Mới chỉ chiếm 2,8% thị phần nhập khẩu của Philippines, Việt Nam còn nhiều dư địa và cơ hội để thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường Philippines, bằng việc tận dụng các lợi thế hiện có. Lợi thế thứ nhất là vị trí địa lý gần gũi và mối quan hệ ngoại giao thân thiết khi cùng nằm trong cộng đồng ASEAN. Thứ hai, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) có hiệu lực từ năm 2010 đã loại bỏ gần như toàn bộ thuế nhập khẩu cho hàng hóa Việt Nam khi đi vào thị trường Philippines (98.74% dòng thuế, chỉ còn bảo hộ cao đối với sản phẩm gạo). Từ khi ATIGA được thực thi đến nay, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam – Philippines đã tăng gần gấp đôi lên mức 4,7 tỷ USD vào năm 2018. Thứ ba, khi Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) được ký kết trong năm 2020 theo dự kiến và đi vào hiệu lực không lâu sau đó, các rào cản phi thuế quan sẽ được loại bỏ và đơn giản hơn nữa, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam vào Philippines được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.

Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội, cũng có không ít thách thức. Trong năm 2019, Philippines đã áp dụng biện pháp tự vệ thương mại tạm thời đối với sản phẩm xi măng của Việt Nam và vừa kết thúc điều tra tự vệ thương mại đối với sản phẩm gạo. Trong khi gạo và xi măng là hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào thị trường này. Ngoài ra, hàng hóa của Việt Nam khi vào thị trường Philippines lại chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các đối thủ khó đánh bại, gồm các nước trong khối ASEAN (cũng đang tiếp cận ưu đãi thông qua ATIGA), cùng với Trung Quốc và Mỹ.

Nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đang tìm hiểu về thị trường Philippines có thể lựa chọn sản phẩm xuất khẩu phù hợp và thuận lợi hơn khi tiếp cận thị trường, bài viết dưới đây sẽ cung cấp các thông tin tổng quan, toàn diện về thị trường Philippines; tình hình thương mại giữa hai nước; tận dụng ưu đãi từ ATIGA; cũng như những lưu ý cho doanh nghiệp xuất khẩu về thị hiếu tiêu dùng, văn hóa kinh doanh và rào cản thương mại của thị trường Philippines.



I. KHÁI QUÁT VỀ PHILIPPINES

1. Thông tin chung

Tự nhiên

- Diện tích đất: 300,000 km² (tương đương Việt Nam).
Vị trí: Là một quần đảo gồm hơn 7.000 đảo, bao xung quanh bởi biển Đông, biển Philippines, biển Celebes.
- Địa hình: chủ yếu là đồi núi, với các đồng bằng ven biển hẹp; đường bờ biển dài 36,289 km.
- Khí hậu: nhiệt đới hải dương, nóng ẩm, mưa nhiều.
- Thiên tai: Nằm trên vành đai núi lửa Thái Bình Dương và vành đai bão nhiệt đới nên Philippines hứng chịu nhiều loại thiên tai: động đất, núi lửa phun trào, bão.



Chính trị - ngoại giao

- Thủ đô: Manila
- Chế độ chính trị: cộng hòa lập hiến. Đứng đầu chính phủ là Tổng thống, nhiệm kỳ 6 năm, không tái cử.
- Tổng thống đương nhiệm: ông Rodrigo Duterte (sinh năm 1945), nhiệm kỳ 2016-2022.
- Chính sách ngoại giao: “độc lập”, tức coi trọng chủ quyền quốc gia, lợi ích quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết (theo Bộ Ngoại giao Philippines).
- Là thành viên sáng lập Liên Hiệp Quốc, thành viên sáng lập ASEAN, thành viên WTO, Hội nghị thượng đỉnh Đông Á, Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á, Diễn đàn APEC, đồng minh của Hoa Kỳ;

Văn hóa – xã hội

- Tiền tệ: Đồng peso (PHP). 1PHP = 0.019 USD # 455 VND
- Ngôn ngữ chính thức (theo Hiến pháp): tiếng Filipino và tiếng Anh.
- Dân số: 106.7 triệu dân (2018).
 - ✓ Dân tộc: Tagalog 28.1%, Bisaya/Binisaya 11.4%, Cebuano 9.9%, Ilocano 8.8%, Hiligaynon/Ilonggo 8.4%, Bikol/Bicol 6.8%, Waray 4%.
 - ✓ Tôn giáo: Thiên chúa La mã 80.6%, Tin lành 8.2%, Đạo Hồi 5.6%.
 - ✓ Độ tuổi: ≤14 tuổi (33%), 15-65 tuổi (52%), > 65 tuổi (4.6%). Độ tuổi bình quân: 23.7 tuổi.
 - ✓ Phân bố: 47% dân số sống ở thành thị.



2. Kinh tế

Bảng 1: Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản của Philippines giai đoạn 2014 – 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018
GDP	tỷ USD	285	293	305	314	331
Tăng trưởng GDP	%	6.1%	6.1%	6.9%	6.7%	6.2%
GDP bình quân đầu người	USD	2,831	2,867	2,941	2,982	3,102
Tỷ lệ lạm phát	%	3.6	0.7	1.3	2.9	5.2
Tỷ lệ thất nghiệp	%	3.6	3.1	2.7	2.6	2.3
Dân số	triệu người	100.5	102.1	103.6	105.1	106.7
Xuất khẩu	tỷ USD	75.3	72.3	73.9	86.6	89.1
- Xuất khẩu hàng hóa	tỷ USD	49.8	43.2	42.7	51.8	51.7
Nhập khẩu	tỷ USD	92.6	100.4	114.0	128.2	146.8
- Nhập khẩu hàng hóa	tỷ USD	67.1	66.5	78.2	92.0	100.7

Nguồn: World Bank

Năm 2018, Philippines là nền kinh tế lớn thứ 37 thế giới, thứ 14 châu Á và thứ 5 Đông Nam Á sau Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia, dựa trên GDP danh nghĩa. Nền kinh tế Philippines phát triển nhanh, với tốc độ tăng trưởng kinh tế trong 5 năm trở lại đây luôn trên 6%. Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng Thế giới cho khu vực châu Á-Thái Bình Dương ngày 10/10/2019, mức tăng trưởng GDP năm 2019 của Philippines ước đạt 5.8%.

Điểm mạnh:

- Philippines có được một thị trường tiêu dùng trong nước rộng lớn nhờ vào số lượng dân số đông và cấu trúc dân số trẻ.
- Philippines ít chịu rủi ro từ các cú sốc bên ngoài nhờ vào 3 yếu tố: thị trường trong nước tiềm năng, tỷ lệ xuất khẩu trên GDP thấp, và nguồn dự trữ ngoại hối dồi dào (Năm 2018, nguồn thu kiều hối là 28,9 tỷ USD từ hơn 2,3 triệu lao động ở nước ngoài).
- Ngành dịch vụ phát triển mạnh, đóng góp gần 60% GDP, chủ yếu là ngành kinh doanh dịch vụ ủy thác nghiệp vụ kinh doanh (BPO), gồm: dịch vụ khách hàng, xử lý dữ liệu, tư vấn y tế, gia công phần mềm, sản xuất phim.

Điểm yếu:

- Chênh lệch giàu nghèo trong xã hội còn cao, với tỷ lệ đói nghèo là 16.1% dân số.
- Tỷ lệ thất nghiệp thấp, nhưng tỷ lệ lao động thiếu dụng (lao động không làm toàn thời gian) lại đến 16.4% (2018).
- Cơ sở hạ tầng còn chưa đáp ứng nhu cầu, đầu tư cho cơ sở hạ tầng còn thấp.
- Trong nước, Philippines phải đối phó với tệ nạn ma túy và khủng bố. Ngoài nước, Philippines đang có tranh chấp với Trung Quốc ở Biển Đông.

- *Ngành nông nghiệp*: Giảm tỷ trọng từ 24% những năm 1980 xuống còn 10% năm 2018. Các sản phẩm nông nghiệp chính: mía đường, dầu cọ, thịt heo, thịt bò, hải sản,...

- *Ngành công nghiệp*:

+ Công nghiệp sản xuất chiếm tỷ trọng lớn nhất và có tốc độ phát triển nhanh, với các ngành nổi bật gồm: gỗ, thuốc lá, máy móc thiết bị, in ấn xuất bản, hóa chất, giấy, điện tử.

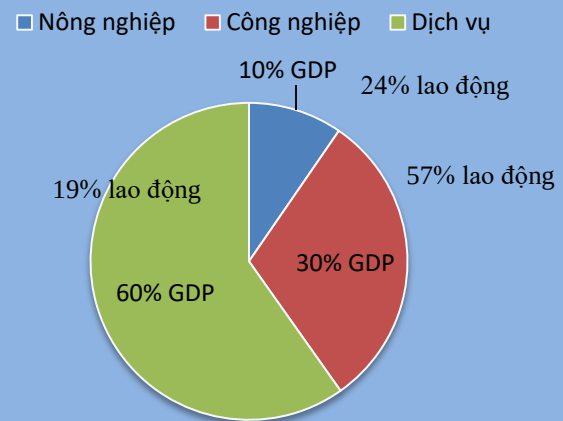
+ Công nghiệp khai khoáng; điện, nước; xây dựng: tương đối phát triển.

- *Ngành dịch vụ*:

+ BPO: phát triển nhanh (tốc độ 9%/năm), chiếm thị phần 10-15% toàn cầu, và đóng góp khoảng 17% GDP cho Philippines.

+ Du lịch: lượng du khách năm 2018 là 7,1 triệu người, đóng góp 12.8% GDP

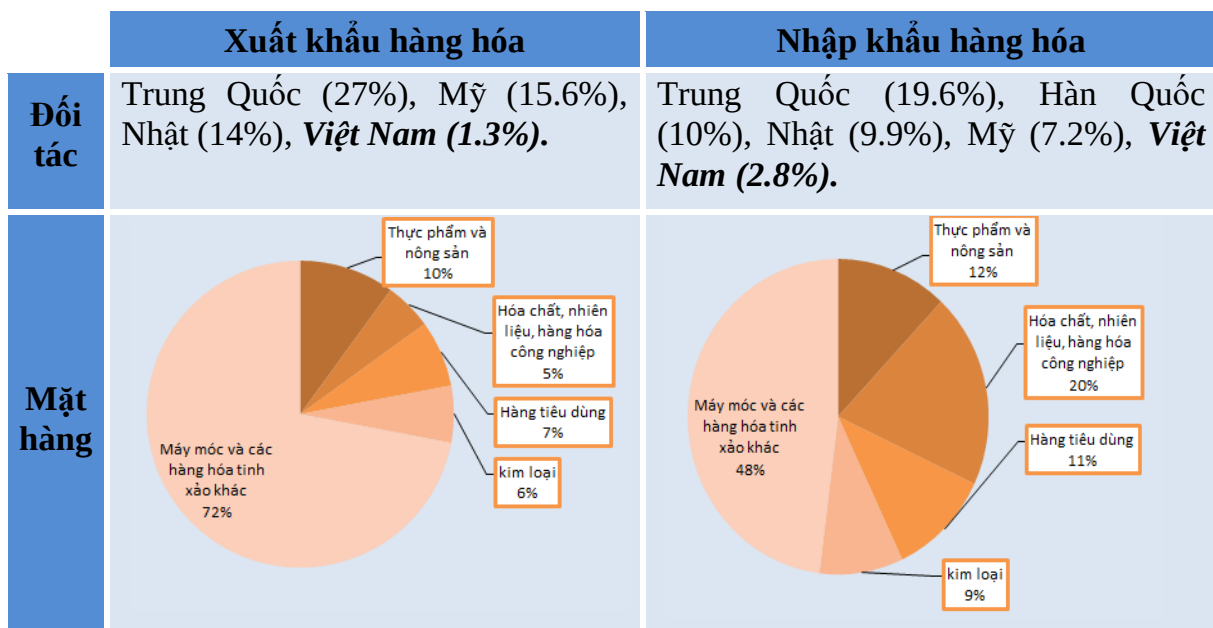
Cơ cấu kinh tế



3. Thương mại hàng hóa

Philippines là quốc gia không phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu, với tỷ lệ xuất khẩu/GDP năm 2018 chỉ đạt 27%. Ngược lại, với thị trường tiêu dùng rộng lớn, Philippines có nhu cầu nhập khẩu nhiều hơn, nên cán cân thương mại luôn âm qua các năm. Năm 2018, tổng kim ngạch thương mại đạt 236 tỷ USD, trong đó, nhập khẩu là 147 tỷ USD, thâm hụt 58 tỷ USD.

Các đối tác và mặt hàng xuất/nhập khẩu chính năm 2018 của Philippines như sau:



Nguồn: Trade Map, Fitch Solutions

II. TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - PHILIPPINES

1. Tình hình thương mại Việt Nam - Philippines

Bảng 2: Tình hình thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Philippines giai đoạn năm 2009 - 2018

ĐVT: triệu USD

Năm	Việt Nam xuất khẩu	Việt nam nhập khẩu	Tổng kim ngạch	Cán cân
2009	1,461	498	1,959	963
2010	1,706	700	2,406	1,006
2011	1,535	805	2,340	730
2012	1,871	964	2,835	907
2013	1,695	952	2,647	743
2014	2,321	675	2,996	1,646
2015	2,020	906	2,926	1,114
2016	2,220	1,059	3,279	1,161
2017	2,835	1,158	3,993	1,677
2018	3,465	1,256	4,721	2,209

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Hải quan

Năm 2018, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam và Philippines đạt 4,7 tỷ USD, tăng 18,1% so với năm 2017, và tăng gần gấp đôi sau 9 năm kể từ khi hai nước ký kết Hiệp định ATIGA. Trong năm 2018, xuất khẩu của Việt Nam đạt 3,5 tỷ USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ, nhập khẩu đạt 1,2 tỷ USD, tăng 8%. Việt Nam tiếp tục xuất siêu sang Philippines với trị giá 1,26 tỷ USD, và là năm xuất siêu thứ 10 liên tiếp.

Philippines là đối tác thương mại lớn thứ 18 của Việt Nam và cũng là thị trường xuất khẩu lớn thứ 18 của Việt Nam. Tính riêng trong khối ASEAN, Philippines là đối tác thương mại lớn thứ 5 của Việt Nam và là thị trường xuất khẩu lớn thứ 5 của Việt Nam.

Tính đến hết tháng 10/2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam và Philippines đạt 4,5 tỷ USD (gần bằng 96% tổng kim ngạch của cả năm 2018), trong đó, xuất khẩu là 3,2 tỷ USD, nhập khẩu là 1,3 tỷ USD.

Bảng 3: Các mặt hàng giao thương chính Việt Nam – Philippines năm 2017-2018

Đvt: triệu USD

Tên hàng	2017		2018	
	Giá trị	tỷ trọng	Giá trị	tỷ trọng
HÀNG HÓA VIỆT NAM XUẤT KHẨU	2,836		3,465	
Điện thoại các loại và linh kiện	429	15%	385	11%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	289	10%	361	10%
Gạo	223	8%	457	13%
Sắt thép các loại	220	8%	190	5%
Cloth và xi măng	204	7%	312	9%
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	176	6%	187	5%

Hàng thủy sản	131	5%	118	3%
Cà phê	111	4%	159	5%
Hàng dệt, may	91	3%	111	3%
Phương tiện vận tải và phụ tùng	71	3%	65	2%
sản phẩm từ chất dẻo	66	2%	54	2%
Sản phẩm từ hóa chất	62	2%	62	2%
HÀNG HÓA VIỆT NAM NHẬP KHẨU	1,160		1,256	
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	529	46%	650	52%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	82	7%	149	12%
kim loại thường khác	53	5%	18	1%

(*) Ghi chú: Tỷ trọng là phần trăm giá trị xuất/nhập khẩu của một mặt hàng trong tổng giá trị xuất/nhập khẩu.

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Hải quan

Trong hoạt động giao thương giữa hai nước, hoạt động của khối FDI chiếm đa số. Việt Nam và Philippines đều nằm trong chuỗi cung ứng của các tập đoàn toàn cầu lớn, nên hoạt động trao đổi qua lại các sản phẩm trung gian/thành phẩm như máy vi tính, hàng điện tử, điện thoại các loại, máy móc thiết bị và linh kiện, ... chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu song phương (36%).

Xuất khẩu: Các mặt hàng xuất khẩu truyền thống của Việt Nam sang Philippines khá đa dạng, từ nông sản, thủy sản cho đến khoáng sản. Trong đó, các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn là gạo, clanhke và xi măng, cà phê, thủy sản, ...

Năm 2018, Philippines là thị trường xuất khẩu gạo lớn thứ hai của Việt Nam (chỉ sau Trung Quốc), với giá trị xuất khẩu là 459 triệu USD, tăng 106% so với năm trước, và chiếm 15% kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam.

Tính đến tháng 10 năm 2019, Philippines đã vượt qua Trung Quốc để trở thành thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, với khối lượng xuất khẩu đạt 1,9 triệu tấn, tương đương giá trị 800 triệu USD, tăng gấp 2,8 lần về lượng và gấp 2,6 lần về giá trị so với cùng kỳ năm 2018.

Nhập khẩu: các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Philippines khá ít ỏi, chủ yếu là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (chiếm 52%), máy móc thiết bị và phụ tùng khác (chiếm 12%), còn lại là phế liệu sắt thép, chất dẻo, ...

2. Cơ hội thị trường cho Việt Nam

Philippines có dân số 106.7 triệu người, đông thứ 2 trong khu vực ASEAN và liên tục thuộc nhóm các nền kinh tế tăng trưởng hàng đầu khu vực trong những năm gần đây. Năm 2018, kim ngạch nhập khẩu của Philippines là 108 tỷ USD, trong đó, kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam đạt hơn 3 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 2,8%. Như vậy, Philippines là thị trường tiêu dùng rất lớn và còn nhiều dư địa để Việt Nam tăng thị phần trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, do tỷ lệ đói nghèo còn cao, điều kiện tự nhiên kém thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp hơn so với một số nước trong khu vực, Philippines phải nhập khẩu khá nhiều mặt hàng nông sản để có thể đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và chế biến trong

nước. Đặc biệt, người dân Philippines rất yêu ẩm thực, khá cởi mở với thực phẩm nhập khẩu, là điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm thực phẩm chế biến của Việt Nam.

Hơn nữa, do các chi phí đầu vào như điện, nhân công cao, các ngành dịch vụ phát triển hơn, nên ngành sản xuất công nghiệp của Philippines không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước, nhiều DN sản xuất chuyển sang nhập khẩu sản phẩm từ nước ngoài để đảm bảo cạnh tranh. Với năng lực sản xuất và cung ứng ngày càng phát triển như hiện nay, một số ngành hàng của Việt Nam như vật liệu xây dựng, nhóm mặt hàng ngành điện dân dụng và công nghiệp, nhóm hàng cơ khí nông nghiệp... rất có tiềm năng chiếm lĩnh thị trường Philippines.

Trong nhiệm kỳ hiện tại của Tổng thống Duterte, Philippines đang triển khai chương trình phát triển cơ sở hạ tầng mang tên "Xây dựng, Xây dựng, Xây dựng" (Build, Build, Build), bao gồm hơn 70 dự án quy hoạch hạ tầng trên toàn quốc với kinh phí ước tính lên đến 180 tỷ USD. Vì vậy, nhu cầu về vật liệu xây dựng, điện dân dụng,... sẽ tăng cao trong thời gian tới.

III. TẬN DỤNG ƯU ĐÃI TỪ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO

Hiện nay Việt Nam và Philippines đang cùng là thành viên của Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA).

Hiệp định ATIGA là hiệp định về **thương mại hàng hóa** giữa 10 nước trong khối ASEAN. Hiệp định được ký kết ngày 26/2/2009 và có hiệu lực từ ngày 17/5/2010.

1) Ưu đãi thuế quan trong ATIGA

	Cam kết	Tình hình thực thi
Philippines	Đến năm 2010 phải: xóa bỏ thuế quan cho toàn bộ hàng hóa trừ những hàng hóa thuộc danh mục nhạy cảm và nhạy cảm cao. - giảm thuế đối với hàng hóa trong danh mục nhạy cảm (các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến) xuống còn 0-5%.	Đến năm 2017, Philippines đã loại bỏ thuế đối với 98.74% dòng thuế trong Biểu thuế. Còn 46 dòng thuế có thuế nhập khẩu 5%, bao gồm: gia súc/gia cầm sống, thịt heo, thịt gia cầm, khoai mì, khoai tây, và một số loại củ khác có tinh bột cao, và mía đường. Còn 10 dòng thuế bao gồm các sản phẩm gạo có thuế nhập khẩu 35%. Danh sách loại trừ: bao gồm các loại vũ khí.
Việt Nam	- Đến năm 2015: 90% số dòng thuế cắt giảm xuống 0%;	Đến ngày 1/1/2015: tổng cộng có 8,603 dòng thuế (chiếm 90% biểu thuế) có thuế suất 0%
	- Đến năm 2018: 7% số dòng thuế trong “danh mục linh hoạt” sẽ được đưa về 0%. <i>Lưu ý: Danh mục linh hoạt nghĩa là các nước được quyền tự lựa chọn các sản phẩm đưa vào danh mục này.</i>	Đến ngày 1/1/2018: Việt Nam cắt giảm thêm 672 dòng thuế (trong đó có 670 dòng về 0%), ví dụ như: ô tô giảm từ 30% xuống 0%; linh kiện phụ tùng 5%, 20% xuống 0%; sắt thép 5% xuống 0%; nông sản, thuốc lá, rượu... - Còn 49 dòng thuế Việt Nam vẫn đang bảo lưu thuế đến năm 2022, gồm: đường (5%), thịt gà và trứng gà (5%), thịt và chế phẩm từ thịt (5%), chanh và bưởi (5%), thóc và gạo lứt (5%), xăng dầu (5% - 20%, theo cam kết riêng

		của Việt Nam với ASEAN, mặt hàng xăng dầu sẽ xóa bỏ thuế với lộ trình dài nhất là đến năm 2024).
	- 3% số dòng thuế nằm trong “danh mục loại trừ” sẽ không phải xóa bỏ thuế, bao gồm: các sản phẩm nông nghiệp chưa chế biến, các sản phẩm nhạy cảm như súng đạn, thuốc nổ, rác thải...	- Các hàng hóa trong danh mục loại trừ của Việt Nam bao gồm: thuốc lá, phế thải dược phẩm, vũ khí, chất nổ, rác thải, sắt thép, xe có động cơ chở 10 người trở lên.

2) Quy tắc xuất xứ trong ATIGA

Theo thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ Công Thương về Thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong ATIGA, và thông tư 10/2019/TT-BCT ngày 22/7/2019 v/v sửa đổi, bổ sung thông tư số 22/2016/TT-BCT, một hàng hóa được coi là có xuất xứ và đủ điều kiện để hưởng ưu đãi thuế quan nếu hàng hóa đó thuộc **một trong các** trường hợp dưới đây:

Trường hợp 1: Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa có xuất xứ thuần túy là hàng hóa được trồng, thu hoạch hoặc đánh bắt ở trong khu vực. Ví dụ: cây trồng, động vật sống, khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên ở các nước thành viên.

Trường hợp 2: Hàng hóa không có xuất xứ thuần túy nhưng đáp ứng một trong hai tiêu chí chung sau:

- Hàng hóa có hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không dưới 40%;
- Tất cả nguyên vật liệu không có xuất xứ sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp 4 số (CTH).

Trường hợp 3: Hàng hóa không có xuất xứ thuần túy nhưng đáp ứng quy định cụ thể từng mặt hàng: Tùy theo từng mặt hàng, quy tắc xuất xứ có thể là:

- RVC từ 35% đến 40%;
- Hoặc chuyển đổi mã số hàng hóa cấp độ 2 số, 4 số, 6 số;
- Hoặc quy tắc công đoạn sản xuất;
- Hoặc kết hợp;

Các nội dung khác trong quy tắc xuất xứ của ATIGA

Nội dung	ATIGA
Cộng gộp	Cho phép cộng gộp đầy đủ và từng phần. Cộng gộp đầy đủ: Nếu nguyên liệu nhập khẩu đáp ứng tiêu chí xuất xứ RVC 40%, thì sẽ được cộng gộp 100% (chứ không phải số % thực tế) để tính hàm lượng RVC cho sản phẩm được sản xuất tại nước xuất khẩu. Cộng gộp từng phần: Nếu nguyên liệu nhập khẩu có RVC < 40%, nhưng ≥ 20%, hàm lượng này sẽ được cộng gộp (theo đúng tỉ lệ thực tế) để tính hàm lượng RVC cho sản phẩm được sản xuất tại nước xuất khẩu.

De Minimis	Một hàng hóa sản xuất từ các nguyên liệu không có xuất xứ và không đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi mã số hàng hóa thì vẫn được coi là hàng hóa có xuất xứ ATIGA nếu giá trị của các nguyên liệu đó trong giá trị hàng hóa không vượt quá 10%.
Thủ tục chứng nhận xuất xứ	Áp dụng song song 2 cơ chế: - Cơ chế xin chứng nhận xuất xứ từ cơ quan có thẩm quyền - Ngoài ra, Việt Nam đang triển khai thí điểm cơ chế tự chứng nhận xuất xứ: Đối tượng là nhà xuất khẩu đủ điều kiện tự chứng nhận xuất xứ.
QTXH của dệt may	Quy tắc 01 công đoạn. Tức là chỉ yêu cầu công đoạn ‘cắt và may’ được thực hiện tại lãnh thổ của bất kỳ nước thành viên nào.

3) Ưu đãi từng mặt hàng trong ATIGA

Như đã nói ở trên, đến năm 2017, Philippines đã loại bỏ thuế đối với 98.74% dòng thuế trong Biểu thuế, chỉ còn:

- 46 dòng có thuế nhập khẩu 5%, bao gồm: gia súc/gia cầm sống, thịt heo, thịt gia cầm, khoai mì, khoai tây, và một số loại củ khác có tinh bột cao, và mía đường.
- 10 dòng các sản phẩm gạo có thuế nhập khẩu 35%.
- Và các loại vũ khí nằm trong danh sách loại trừ.

Bảng 4: Biểu thuế đối với các sản phẩm gạo

Số TT	Mã HS	Mô tả	Thuế ATIGA
	1006.10	Thóc (gạo còn nguyên trấu)	
1	1006.10.10	Để gieo trồng	35%
2	1006.10.90	Loại khác	35%
	1006.20	Gạo lức	
3	1006.20.10	Gạo Hom Mali	35%
4	1006.20.90	Loại khác	35%
	1006.30	Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ, đã hoặc chưa được đánh bóng hoặc hồ	
5	1006.30.30	Gạo nếp	35%
6	1006.30.40	Gạo Hom Mali	35%
7	1006.30.91	Gạo đồ	35%
8	1006.40.99	khác	35%
	1006.40	Gạo tấm	
9	1006.40.10	Loại dùng làm thức ăn chăn nuôi	35%
10	1006.40.90	Loại khác	35%

Nguồn: Asean.org

4) Tận dụng ưu đãi thuế quan trong ATIGA

Các FTA hiện nay Philippines đang tham gia và đã có hiệu lực gồm:

- ATIGA
- 6 FTA của ASEAN với các đối tác: gồm ASEAN - Ấn Độ, ASEAN-Hàn Quốc, ASEAN-Nhật Bản, ASEAN-Trung Quốc, ASEAN-Úc/New Zealand, ASEAN-Hongkong.
- FTA với khối EFTA (gồm Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ)
- Hiệp định Đối tác Kinh tế Philippines - Nhật Bản.

Tính tổng cộng, có 19 quốc gia đang được tiếp cận ưu đãi thị trường Philippines. Với lợi thế trên, các quốc gia này luôn nằm trong nhóm các đối tác nhập khẩu lớn nhất của Philippines. Đối với các quốc gia không có FTA với Philippines và là thành viên WTO, mức thuế nhập khẩu được áp dụng khi tiếp cận thị trường Philippines sẽ là mức thuế Tối huệ quốc (MFN). Và thông thường, thuế MFN luôn cao hơn các mức thuế theo FTA, đặc biệt đối với các sản phẩm nông nghiệp.

Có thể nói, ATIGA là hiệp định thương mại có mức độ, phạm vi cam kết sâu nhất, gần như toàn bộ số dòng thuế. Vì vậy, các nước ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng sẽ được tiếp cận thị trường Philippines với mức độ ưu đãi cao nhất (nếu như đáp ứng được quy tắc xuất xứ). Mặc dù trong ATIGA, Philippines vẫn còn bảo hộ đối với gạo và một số sản phẩm nông nghiệp khác, tuy nhiên, mức thuế trong ATIGA đối với các sản phẩm này vẫn thấp hơn nhiều so với mức thuế MFN tương ứng.

Vì vậy, Việt Nam nên tập trung xuất khẩu sang Philippines các mặt hàng Việt Nam có thế mạnh sản xuất và có lợi thế về thuế nhập khẩu lớn (tức chênh lệch giữa mức thuế theo ATIGA và mức thuế MFN), chủ yếu tập trung ở các hàng hóa nông nghiệp và vật liệu xây dựng, bao gồm:

Bảng 5: Một số hàng hóa có chênh lệch lớn giữa thuế ATIGA và thuế MFN

Mặt hàng	Thuế suất theo ATIGA	Thuế MFN bình quân	Ghi chú
Gạo	35%	40%	Từ tháng 3/2019
Mía đường	5%	35%	
Thịt heo/thịt gia cầm	5%	40%	
Khoai tây	5%	40%	
Trái cây	0%	7-15%	
Cà phê	0%	40%	
thủy sản	0%	10%	
xi măng	0%	10%	
Sắt, thép	0%	10%	

Nguồn: Tổng hợp từ Asean.org và WTO.org

IV. MỘT SỐ LƯU Ý CHO DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU

1. Thị hiếu và hành vi tiêu dùng

Theo nghiên cứu của Nielsen, hành vi tiêu dùng của người Philippines có một số điểm chính sau:

- Trung thành nhãn hiệu: người dân Philippines thường ưu tiên các thương hiệu và loại sản phẩm quen thuộc. Tuy nhiên, nghiên cứu gần hơn cho thấy, người dân nước này đã sẵn sàng hơn trong việc chuyển sang một sản phẩm mới hoặc thương hiệu mới.
- Quảng cáo: Vì sự trung thành nhãn hiệu như trên, quảng cáo (chủ yếu qua kênh truyền hình và mạng xã hội) sẽ quyết định đến sự yêu thích của người tiêu dùng và quyết định mua sắm của họ.
- Giá cả: Thu nhập của người dân Philippines ở mức dưới trung bình, tỷ lệ tiết kiệm của Philippines cũng rất cao (42% GDP năm 2018). Vì vậy, người dân Philippines nhạy cảm với giá cả khi tiêu dùng, thường dùng thiết bị di động để so sánh giá, so sánh sản phẩm, đọc đánh giá sản phẩm, ...trước khi ra quyết định mua sắm.
- Thương mại điện tử: Với dân số trẻ đông, cùng với xu hướng tiếp cận công nghệ đang phát triển, việc mua sắm trực tuyến ở Philippines ngày càng trở nên phổ biến.

Theo khảo sát năm 2018 của Ủy ban Phát triển và Kinh tế Quốc gia Philippines, giỏ hàng tiêu dùng của một hộ gia đình 5 người ở Philippines như sau (với giả thuyết tổng chi tiêu hàng tháng là 10,000 peso):

Bảng 6: Giỏ hàng tiêu dùng của một hộ gia đình 5 người ở Philippines

Mặt hàng	Số tiền (peso)	Tỷ lệ
Thực phẩm và thức uống không cồn	3,834	38.3%
<i>Gạo</i>	959	9.6%
<i>Thịt</i>	625	6.3%
<i>Cá</i>	574	5.7%
<i>Rau</i>	260	2.6%
<i>Thức uống không cồn</i>	288	2.9%
Thức uống có cồn và thuốc lá	158	1.6%
Quần áo và giày dép	293	2.9%
Điện, nước, gas	2,204	22.0%
Nội thất, thiết bị, sửa chữa	295	3.0%
Sức khỏe	389	3.9%
Đi lại	806	8.1%
Liên lạc	293	2.9%
Giải trí, văn hóa	141	1.4%
Giáo dục	328	3.3%
Ăn ngoài, dịch vụ và hàng hóa khác	1,259	12.6%

Nguồn: Ủy ban Phát triển và Kinh tế Quốc gia Philippines

2. Văn hóa kinh doanh

Người Philippines coi trọng niềm tin và mối quan hệ cá nhân. Ở Philippines, các vấn đề kinh doanh đều được giải quyết trực tiếp trong bầu không khí thân mật và cởi mở. Điều này phần nào giống với văn hóa kinh doanh của Việt Nam. Vì vậy, nhà xuất khẩu Việt Nam nên duy trì mối quan hệ thân thiết với các nhà nhập khẩu ở Philippines, thường xuyên thăm hỏi, gặp gỡ, từ đó, từng bước tạo hệ thống chân rết, bạn hàng, làm cơ sở để đưa hàng Việt Nam thâm nhập sâu hơn.

+ *Chào hỏi*: Trao đổi danh thiếp là một công việc bắt buộc khi đàm phán với người Philippines dù rằng cách thức trao đổi có phần thoải mái hơn so với các nền văn hóa khác. Danh thiếp nên được đưa bằng cả hai tay. Khi nhận danh thiếp, hãy dành chút thời gian để đọc thông tin trên đó trước khi bỏ nó vào túi. Khi gặp mặt, luôn chào những người lớn tuổi nhất hoặc có địa vị cao nhất trước tiên. Bắt tay chặt là cách chào chuẩn trong cộng đồng người Philippines.

+ *Đàm phán*: Khác với phong cách phương Tây thường thích tận dụng tối đa thời gian để nói trực tiếp vào vấn đề, người Philippines lại thích nói về bạn bè, gia đình, sở thích, ... để mở đầu một bầu không khí vui vẻ thoải mái cho cuộc đàm phán. Chỉ khi các bên thiết lập được một bầu không khí thân mật thì việc đàm phán mới thật sự bắt đầu. Chính vì cần thời gian để xây dựng mối quan hệ cá nhân trước khi đàm phán nên tốc độ đàm phán ở Philippines tương đối chậm, có thể cần nhiều hơn một cuộc gặp gỡ.

+ *Giao tiếp*: Người Philippines không thích bị "mất mặt", do đó họ không thích thể hiện sự tức giận, lên tiếng phản đối, tham gia vào các cuộc tranh luận hay bị hỏi thúc nhanh chóng đưa ra quyết định. Do đó, khi đàm phán nên mềm mỏng, từ tốn, không vội vã, và dù có phản đối cũng không nên nói trực tiếp, thể hiện ra mặt.

+ *Quà tặng*: Việc tặng quà cho đối tác không phải là điều cấm kỵ ở Philippines. Có hai thời điểm thích hợp để tặng quà: trước đàm phán và sau khi kết thúc đàm phán. Giá trị món quà sẽ tương ứng với cấp bậc của người được tặng.

3. Các rào cản thương mại

a) Hạn ngạch

Philippines áp dụng chính sách hạn ngạch thuế quan đối với các hàng hóa nông nghiệp nhạy cảm, bao gồm: gạo, ngô, thịt heo, thịt gà, đường và cà phê.

Ngô: hạn mức tiếp cận tối thiểu (Minimum Access Volume - MAV) đối với ngô là 216,940 tấn, thuế trong hạn ngạch là 35%, ngoài hạn ngạch là 50%. Các nước ATIGA được hưởng mức thuế thấp hơn 5% so với mức áp dụng chung.

- Khoai tây: MAV là 1,550 tấn, thuế trong hạn ngạch là 40%, thuế ngoài hạn ngạch là 40%.
- Thịt heo: MAV là 54,210 tấn, thuế trong hạn ngạch là 30%, thuế ngoài hạn ngạch là 40%.
- Thịt gà: MAV là 23,490 tấn, thuế trong hạn ngạch là 40%, thuế ngoài hạn ngạch là 40%.
- Đường: 64,050 tấn, thuế trong hạn ngạch là 50%, thuế ngoài hạn ngạch là 65%.
- Cà phê: 1,457 tấn cà phê hạt và 37 tấn chiết xuất cà phê, thuế trong hạn ngạch là 30%, thuế ngoài hạn ngạch là 40%.

b) Bảo hộ đối với sản phẩm gạo

Với dân số đông và tỷ lệ đói nghèo còn cao, nên gạo là mặt hàng thiết yếu mà chính phủ Philippines cho rằng cần được bảo hộ. Tuy nhiên, dưới sức ép đến từ các cam kết quốc tế, mức độ bảo hộ đối với sản phẩm này của Philippines đã được dỡ bỏ dần theo thời gian:

- Gạo là mặt hàng duy nhất của Philippines được WTO cho phép áp dụng hạn chế định lượng (quantitative restrictions – QR) với thời hạn 10 năm, từ năm 1995 đến 2005. Cơ quan Lương thực quốc gia Philippines (NFA) là nhà nhập khẩu gạo duy nhất.
- Năm 2005, Philippines đã xin gia hạn và được chấp thuận kéo dài đến năm 2012. Hạn ngạch là 350,000 tấn, thuế trong hạn ngạch là 40%. Từ năm 2002, việc nhập khẩu gạo đã được mở cửa cho khối doanh nghiệp tư nhân, tuy nhiên, NFA vẫn có quyền ưu tiên nhập khẩu trước để đảm bảo an ninh lương thực.
- Năm 2012, Philippines lại xin gia hạn lần hai và đã được chấp thuận với thời hạn cuối là 30/6/2017. Đổi lại, Philippines phải mở rộng hạn ngạch đối với gạo lên thành 805,200 tấn, đồng thời, giảm thuế suất trong hạn ngạch xuống còn 35%, thuế ngoài hạn ngạch là 50%. Philippines tiếp tục áp dụng hạn ngạch trên cho đến tháng 3/2019, khi đạo luật mới được thông qua.
- Ngày 5/3/2019, Đạo luật số 11203 về “tự do hóa nhập khẩu, xuất khẩu và thương mại mặt hàng gạo, nhằm dỡ bỏ cơ chế hạn ngạch đối với việc nhập khẩu mặt hàng gạo và thực hiện những mục đích khác” chính thức có hiệu lực, sửa đổi cho Đạo luật số 8187 năm 1996, thay thế cơ chế hạn ngạch nhập khẩu gạo bằng thuế nhập khẩu gạo:
 - Hạn mức tiếp cận tối thiểu quay trở lại với mức 350.000 tấn của năm 2012, thuế trong hạn ngạch là 40%, ngoài hạn ngạch là 180%. Riêng các nước trong ASEAN, thuế suất trong hạn ngạch và ngoài hạn ngạch đều là 35%.
 - Các hợp đồng nhập khẩu gạo phát sinh sau ngày 5/3/2019 sẽ không cần có giấy phép của NFA mà chỉ cần có Giấy chứng nhận vệ sinh và kiểm dịch thực vật (Sanitary and Phytosanitary Import Clearance) do Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (Bureau of Plant Industry – BPI) như các sản phẩm nông nghiệp thông thường khác của Philippines.
 - Ngoài ra, quy định mới về nhập khẩu gạo của Philippines cho phép áp dụng thuế tự vệ đặc biệt đối với mặt hàng gạo trong trường hợp cần thiết.

c) Các yêu cầu nhập khẩu đối với một số loại hàng hóa

- **Thực phẩm:** Tất cả các loại hàng hóa nông nghiệp từ thức ăn chăn nuôi, động vật sống, cho đến thịt và các sản phẩm từ thịt, trái cây hay rau quả tươi, hải sản ... đều cần được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thú ý hoặc Giấy chứng nhận vệ sinh và kiểm dịch thực vật trước khi nhập khẩu:

+ Giấy chứng nhận vệ sinh và kiểm dịch thực vật (Sanitary and Phytosanitary Import Clearance) được cấp bởi Cục Công nghiệp Thực vật (Bureau of Plant Industry – BPI) thuộc Bộ Nông nghiệp Philippines . Chi tiết quy trình xin cấp giấy phép xem tại đường dẫn sau:

<http://bpi.da.gov.ph/bpi/images/Arta/SANITARY%20AND%20PHYTOSANITARY%20IMPORT%20CLEARANCE.jpg>

+ Giấy chứng nhận kiểm dịch thú y (Veterinary Quarantine Clearance) được cấp bởi Cục Công nghiệp Động vật (Bureau of Animal Industry - BAI) của Bộ Nông nghiệp Philippines, có giá trị 60 ngày kể từ ngày cấp và không thể gia hạn thêm, không thể được chuyển nhượng, và chỉ có thể được sử dụng bởi người nhận hàng được cấp Giấy chứng nhận. Chi tiết quy trình xin cấp giấy phép xem tại đường dẫn sau:

<http://www.bai.gov.ph/index.php/regulatory/item/362-issuance-of-veterinary-quarantine-clearance-vqc-to-import-exotic-animals>

+ Trong mọi trường hợp, khi nhập khẩu thịt, cá hoặc nông sản thì nhà nhập khẩu đăng ký phải là người nhận lô hàng.

- **Thực phẩm chế biến:** Nhìn chung, các quy định về thực phẩm của Philippines tuân theo các chính sách và các chỉ dẫn về chất phụ gia, thực hành sản xuất tốt và chất liệu bao bì phù hợp với thực phẩm của Cục Quản lý Dược và Thực phẩm Hoa Kỳ (FDA). Tất cả các hàng hóa thực phẩm được chào bán ở Philippines phải được đăng ký với Cục Quản lý Dược và Thực phẩm Philippines. Việc đăng ký sản phẩm nhập khẩu chỉ có thể được thực hiện bởi một thực thể của Philippines mặc dù một số loại chứng từ và đối với một số loại hàng hóa, sản phẩm mẫu cần được nhà xuất khẩu cung cấp. Các sản phẩm đã được phân chia thành hai loại với các yêu cầu đăng ký và thủ tục riêng biệt.

d) Tự vệ thương mại

Theo thông tin đăng tải trên website của Bộ Thương mại và Công nghiệp Philippines, tính đến hiện nay, Philippines đang áp dụng biện pháp tự vệ thương mại với 5 sản phẩm, áp dụng thuế chống bán phá giá đối với 1 sản phẩm. Trong đó, có 3 sản phẩm có liên quan đến Việt Nam, gồm:

- **Xi măng:** Ngày 18/1/2019, Bộ Thương mại và Công nghiệp Philippines (DTI) đã thông báo về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với sản phẩm xi măng nhập khẩu vào Philippines. Cơ quan điều tra cho rằng, lượng xi măng nhập khẩu đã gia tăng tới 70% trong giai đoạn 2014-2017, trong đó, Việt Nam là nước có lượng xuất khẩu và thị phần xuất khẩu lớn nhất vào Philippines trong giai đoạn trên:

- Biện pháp tự vệ tạm thời là 8,40Php/túi 40kg, tương đương 210 peso/tấn.
- Mã HS: 2523.29.90 và 2523.90.00

- **Gạch ốp lát:** Ngày 7/5/2019, DTI đã thông báo về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với sản phẩm gạch ốp lát nhập khẩu vào Philippines:

- Biện pháp tự vệ tạm thời là 3,00 pê sô/kg, tương đương 3000 pê sô/tấn.
- Mã HS: 6907.21.23, 6907.21.24, 6907.21.93, 6907.21.94, 6907.22.13, 6907.22.14, 6907.22.93, 6907.22.94, 6907.23.13, 6907.23.14, 6907.23.93, 6907.23.4 và 6907.40.92

- **Giấy Testliner** (giấy công nghiệp dùng để làm lớp mặt ngoài của thùng carton): Ngày 16/9/2010, DTI đã thông báo về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với sản phẩm giấy testliner nhập khẩu vào Philippines. Đến tháng 9/2016, DTI ra thông báo gia hạn thêm 4 năm:

- Biện pháp tự vệ tạm thời: 986.5 peso/tấn trong năm đầu, 937.17 peso/tấn trong năm thứ 2, 890.31 peso/tấn trong năm thứ 3, và 845.9 peso/tấn trong năm thứ 4(18/6/2019 – 20/6/2020).
- Mã HS: 4805.24.00, 4805.25.10, 4805.25.90

Ngoài ra, tháng 9/2019, Philippines khởi xướng điều tra về việc áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu đối với sản phẩm gạo nhập khẩu vào Philippines, với lý do nhập khẩu gạo gia tăng đột biến gây thiệt hại nghiêm trọng cho nông dân Philippines. Đến tháng 10/2019, Philippines đã kết thúc quá trình điều tra sơ bộ. Trong thời gian tới, Philippines có thể sẽ áp dụng một số biện pháp tự vệ theo quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và của ASEAN để tác động vào lượng gạo nhập khẩu, nên việc xuất khẩu gạo của Việt Nam vào Philippines trong thời gian tới dự kiến còn nhiều rủi ro.

4. Các địa chỉ hữu ích hỗ trợ nhà Xuất khẩu

- Đại Sứ Quán Việt Nam tại Philippines

670 Pablo Ocampo Street, Malate, Manila, Philippines

Điện thoại: (+632) 5216843 | Fax: (+632) 5260472

Email: vnembph@yahoo.com; vnemb.ph.info@mofa.gov.vn

Website: <https://vnembassy-manila.mofa.gov.vn/>

- Phòng thương mại và Công nghiệp Philippines (PCCI)

3F Commerce and Industry Plaza 1030 Campus Ave. cor. Park Ave. McKinley Town Center, Fort Bonifacio Taguig City, Philippines 1634

Điện thoại: (+632) 846 8196 | Fax: (+632) 846 8619

Email: mike-varela@pacific.net.ph

Website: www.philippinechamber.com

Tài liệu tham khảo:

1. Tổng cục hải quan Việt Nam, 2017, Niên giám thống kê Hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt Nam (Bản tóm tắt), 117 trang.
2. Số liệu thống kê định kỳ Tổng cục hải quan Việt Nam, tháng 10/2019, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/SoLieuDinhKy.aspx?Group=S%E1%BB%91%20li%E1%BB%87u%20th%E1%BB%91ng%20k%C3%AA>
3. Bộ công thương Việt Nam, 2019, Báo cáo xuất nhập khẩu năm 2018, Nhà xuất bản Bộ công thương, 217 trang.
4. Cơ sở dữ liệu của Ngân hàng thế giới (WB), 10/2019, <https://data.worldbank.org/country/philippines>
6. Cơ sở dữ liệu của Cục Tình báo Trung ương Mỹ, 10/2019, <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/geos/rp.html>
7. Cơ quan thống kê Philippines, 10/2019, <https://www.psa.gov.ph/>
8. Bộ Thương mại và Công nghiệp Philippines, 10/2019, <http://www.dti.gov.ph/>
9. Bộ Ngoại giao Philippines, 10/2019, <http://www.dfa.gov.ph/>
10. Ủy ban Phát triển và Kinh tế Quốc gia Philippines, 10/2019, <https://neda.gov.ph/>
11. Hệ thống cơ sở dữ liệu của ITC, 10/2019, <https://www.trademap.org/>
12. Hệ thống cơ sở dữ liệu của ASEAN, 10/2019, <https://www.asean.org/>
13. Hệ thống cơ sở dữ liệu của WTO, 10/2019, <https://www.wto.org/>
14. Hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan thương mại quốc tế Bộ Thương mại Mỹ, 10/2019, <https://www.export.gov/>
15. Báo cáo hướng dẫn xuất khẩu nông sản vào Philippines, 10/2018, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, 10 trang.
16. Hội đồng Phát triển Thương mại Hong Kong, Hồ sơ thị trường Philippines, 9/2019, 17 trang.